

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2558 /SYT-KH

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 9 năm 2022

V/v Hướng dẫn thực hiện Tiêu
chí Y tế về xã Nông thôn mới, xã
NTM nâng cao và huyện NTM
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: - UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành “Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Quyết định số 2373/QĐ-BYT ngày 31/8/2022 của Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Thực hiện Văn bản số: 06/BCĐ-VPĐP ngày 09/9 /2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về việc đề nghị hướng dẫn chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Để hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện: (1) Tiêu chí 15 - Bộ Tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới; (2) Tiêu chí số 14 - Bộ Tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới nâng cao; (3) Tiêu chí số 5.1. thuộc Tiêu chí số 5 - Bộ Tiêu chí huyện Nông thôn; Sở Y tế hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về y tế giai đoạn 2021-2025, như sau:

1. Tiêu chí 15 - Bộ Tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:

Nội dung tiêu chí 15 - Y tế	Chỉ tiêu đạt	Ghi chú
15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Vùng Trung du miền núi phía Bắc
15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	
15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	

Các nội dung tổ chức thực hiện và thẩm định, đánh giá kết quả hàng năm thiện theo hướng dẫn tại **phụ lục 1** (gửi kèm theo).

2. Tiêu chí 14 - Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025:

Nội dung tiêu chí 14 - Y tế	Chỉ tiêu đạt	Ghi chú
14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Vùng Trung du miền núi phía Bắc
14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	
14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Đề nghị chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh	
14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	

Các nội dung tổ chức thực hiện và thẩm định, đánh giá kết quả hàng năm thiện theo hướng dẫn tại **phụ lục 2** (gửi kèm theo).

3. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới

Tiêu chí 5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, để đạt Tiêu chí 5.1: Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.

Nội dung thực hiện: Theo hướng dẫn tại phụ lục 3.

2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 2373/QĐ-BYT ngày 31/8/2022, Phòng Y tế các huyện/thành phố phối hợp Trung tâm Y tế các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng năm tham mưu cho UBND huyện/thành phố giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và hướng dẫn các xã và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí về y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Tiêu chí

số 15 - xây dựng xã nông thôn mới; Tiêu chí số 14 - xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; Tiêu chí số 5.1 - xây dựng huyện nông thôn mới; Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện theo quy định, báo cáo UBND cấp huyện và Sở Y tế để thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&PTNN (Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT; KH-TC (Hải).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



La Đăng Tái

Phụ lục 1
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ THẨM ĐỊNH TIÊU CHÍ 15 – Y tế
(Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới)

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thẻ Bảo hiểm Y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã.
- Bảo hiểm Y tế gồm: Bảo hiểm do nhà nước hỗ trợ; bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện.
- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ tham gia BHYT} = \frac{\text{Tổng số người tham gia BHYT}}{\text{Tổng số dân trong xã}} \times 100$$

- Số liệu người dân tham gia các loại hình BHYT được tính:
 - + Báo cáo của BHXH huyện + số liệu điều tra bổ xung của UBND xã;
 - + Thu thập số liệu người dân tham gia BHYT:
 - Danh sách người tham gia Bảo hiểm Y tế do Bảo hiểm xã hội huyện cung cấp (có ký xác nhận).
 - Danh sách thống kê bổ xung của UBND xã (có ký xác nhận).

Ghi chú: Ủy ban nhân dân xã cần chỉ đạo phối hợp liên ngành điều tra người tham gia Bảo hiểm Y tế có hộ khẩu hoặc tạm trú trên 06 tháng là học sinh, sinh viên, quân đội, công an, gia đình của lực lượng vũ trang, công nhân các nhà máy, xí nghiệp là người tại địa phương công tác hoặc học tập ngoài địa bàn xã để bổ xung thêm loại hình người tham gia Bảo hiểm Y tế của địa phương mà cơ quan Bảo hiểm xã hội chưa thống kê được.

- Tất cả các tài liệu này được dùng để phục vụ cho công tác thẩm định và đánh giá về tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế tại địa phương.

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 90\%$

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

- Hiện nay Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ban hành ngày 07/11/2014, Bộ Y tế đang đánh giá thực hiện để ban hành Bộ tiêu chí cho giai đoạn đến năm 2030, trong thời gian chưa ban hành các địa phương thực hiện theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014.

- Việc đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được thực hiện hằng năm. Xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế có thời hạn trong vòng 3 năm. Nếu các năm tiếp theo không đạt Bộ tiêu chí thì phải rút danh hiệu đã công nhận.

15.3. Đánh giá Tiêu chí về tỷ lệ trẻ em mắc suy dinh dưỡng (SDD) thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là số trẻ em dưới 05 tuổi có chiều cao nhỏ hơn chiều cao trung bình của trẻ cùng nhóm tuổi ($\leq -2SD$) tính bình quân trên 100 trẻ cùng nhóm tuổi trong thời điểm điều tra.

Công thức xác định tỷ lệ

$$\text{Tỷ lệ \% SDD thể thấp còi của trẻ < 5 tuổi} = \frac{\text{Tổng số trẻ < 5 tuổi trong xã có chiều cao thấp hơn chiều cao trung bình } (\leq -2SD) \text{ của trẻ trong thời điểm đánh giá}}{\text{Tổng số trẻ cùng nhóm tuổi của xã trong cùng thời điểm}} \times 100$$

Trình tự đánh giá

- Các xã báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí 15.3 của đơn vị mình tính đến ngày thẩm định với Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện và Hội đồng thẩm định xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia Nông thôn mới cấp huyện;

- Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện và Hội đồng thẩm định xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia Nông thôn mới cấp huyện báo cáo đề nghị Sở Y tế thẩm định;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các đơn vị liên quan là đầu mối xác minh kết quả báo cáo của các đơn vị, đồng thời tham mưu cho Sở Y tế chấm, thẩm định Tiêu chí này.

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 15.3: Tỷ lệ trẻ em mắc suy dinh dưỡng thể thấp còi trong toàn xã tại thời điểm điều tra là $\leq 24,0\%$.

15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

- Sổ khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của Hồ sơ sức khỏe điện tử, để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số có sổ KCBĐT} = \frac{\text{Tổng số người dân có sổ KCBĐT}}{\text{Tổng số dân trong xã}} \times 100$$

Hướng dẫn thực hiện: Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo mỗi người dân đều có sổ sức khỏe điện tử:

- Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

- Người dân đi khám bệnh không dùng sổ khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hàng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

Nguồn số liệu báo cáo: Số liệu định kỳ của Báo cáo hàng năm của cơ sở y tế.

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 15.3: đạt $\geq 50\%$

Phụ lục 2
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ THẨM ĐỊNH TIÊU CHÍ 14 - Y tế
(Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã Nông thôn mới nâng cao)

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế:

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 14.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 95\%$

Nội dung và cách tính: Tương tự hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 15.1. ở tại phụ lục 1.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe:

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 14.2: đạt $\geq 95\%$

Nội dung yêu cầu:

- Quản lý sức khỏe là thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của người dân được lưu trữ và cập nhật.

- Việc quản lý sức khỏe của người được thực hiện thông qua thiết lập Phần mềm hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, có khả năng liên thông trong toàn quốc đảm bảo: hồ sơ bệnh án điện tử chuyển được từ trạm y tế xã đến bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh, bệnh viện tuyến Trung ương.

- Phần mềm thống kê, quản lý được tình hình sức khỏe, tình trạng bệnh lý của người dân trên địa bàn.

- Nguồn số liệu: Báo cáo kết quả thực hiện của các cơ sở y tế hàng năm.

- Cách tính: là tỷ lệ (%) được tính bằng cách lấy số người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, chia cho dân số tại thời điểm báo cáo.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa:

Nội dung này đề nghị chưa triển khai tại tuyến xã trên địa bàn tỉnh, lý do như sau:

- Tỉnh Tuyên Quang là tỉnh miền núi, trên 51% dân số là người dân tộc thiểu số, việc yêu cầu người dân sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa là chưa phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay cũng chưa triển khai nội dung khám chữa bệnh từ xa rộng rãi trong các cơ sở y tế nói chung và trạm y tế nói riêng.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

Yêu cầu để đạt Tiêu chí 15.3: đạt $\geq 70\%$

Cách tính: theo hướng dẫn tại tiêu chí 15.3, Phụ lục 1 ở trên.

Phụ lục 3
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ THẨM ĐỊNH
TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Yêu cầu Tiêu chí: Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

2. Nội dung thực hiện: Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng

Cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm y tế quận, huyện vận dụng theo các văn bản: (1) Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020; (3) Quyết định số 2367/QĐ-BYT ngày 04/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành “Mô hình - Tiêu chuẩn Thiết kế Trung tâm y tế dự phòng tuyến quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh”; (4) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9213 : 2012 Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế; (5) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214 : 2012 Phòng khám đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế.

Nội dung Trung tâm y tế đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

(1) Về mặt bằng tổng thể:

Vị trí khu đất xây dựng của từng đơn vị thuộc Trung tâm phải phù hợp với quy hoạch được duyệt, có giao thông thuận lợi.

- Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có Bệnh viện đa khoa từ Hạng II trở lên về mặt bằng tổng thể phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Tùy từng quy mô cụ thể nhưng chỉ tiêu diện tích khu đất xây dựng bình quân cho một giường bệnh đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9213:2012);

+ Tuân thủ các quy định chung về yêu cầu quy hoạch tổng mặt bằng của tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012).

- Đối với đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có), tiêu chí về khu đất xây dựng và mặt bằng tổng thể tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về Phòng khám đa khoa khu vực (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012).

- Vị trí xây dựng và diện tích khu đất xây dựng đối với đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

(2) Về các khoa phòng chức năng: Các đơn vị thuộc Trung tâm bố trí tại một hoặc nhiều địa điểm khác nhau, tuy nhiên khi đánh giá độc lập từng đơn vị/khoa phòng chức năng đảm bảo các tiêu chí sau:

- Có số lượng khoa phòng chức năng phù hợp với quy mô hoạt động của Trung tâm. Các khoa phòng chức và các khoa chuyên môn phải tuân thủ theo Thông tư số 07/2012/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Diện tích các phòng lãnh đạo, các phòng chức năng thuộc Trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012 công sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Diện tích các phòng trong các khoa chuyên môn (tùy theo nhiệm vụ và quy mô của khoa) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012) và tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012).

- Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012 thiết kế bệnh viện quận, huyện.

- Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

(3) Cấp độ công trình: Cấp độ công trình hạng mục nhà chính từ cấp III trở lên, các hạng mục phụ trợ từ cấp IV trở lên, xác định cấp công trình theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

(4) Về đảm bảo vệ sinh môi trường: đối với từng đơn vị thuộc Trung tâm

- Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định.

- Có phương án hoặc giải pháp cách ly giữa khu có nguy cơ lây nhiễm (nếu có) với các khu khác của Trung tâm.

(5) Các điều kiện khác: Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước sạch theo quy định.